

Hà Nội, ngày tháng 1 năm 2016

**DỰ THẢO BÁO CÁO CỦA HIỆU TRƯỞNG
TẠI HỘI NGHỊ CÁN BỘ VIÊN CHỨC LẦN THỨ 24
(Ngày tháng 01 năm 2016)**

Hội nghị cán bộ viên chức (CBVC) lần thứ 23 của Trường Đại học Bách khoa Hà Nội (ĐHBK Hà Nội) được tổ chức vào ngày 12 tháng 1 năm 2012, cho đến nay đã tròn 4 năm với nhiều thay đổi trong tổ chức và hoạt động của Nhà trường. Kết thúc nhiệm kỳ 2008-2013, Nhà trường đã hoàn thành công tác bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo chủ chốt các đơn vị nhiệm kỳ 2013-2018. Tháng 7 năm 2015, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Trường lần thứ 29 đã được tổ chức, đề ra mục tiêu, phương hướng và các nhiệm vụ chủ yếu cho nhiệm kỳ 2015-2020. Sau một thời gian khó khăn, công tác nhân sự Ban giám hiệu đã được hoàn thành vào giữa tháng 10 năm 2015; đến nay một số vị trí lãnh đạo chủ chốt của các đơn vị đã được kiện toàn. Tại Hội nghị cán bộ chủ chốt ngày 20 tháng 10 năm 2015, Hiệu trưởng đã trình bày định hướng công tác nhiệm kỳ 2015-2020 và quán triệt các nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2015-2016.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23, dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, Ban Giám hiệu đã phối hợp chặt chẽ với BCH Công đoàn xây dựng, triển khai các giải pháp phù hợp và kế hoạch cụ thể cho từng năm học. Báo cáo này đánh giá tình hình 4 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23, điểm lại những nội dung công tác đã làm tốt và chưa làm tốt, tập trung phân tích dựa trên tình hình thực tế năm học 2014-2015 và cả năm 2015, trên cơ sở đó đề ra phương hướng công tác trong thời gian tới.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ CBVC LẦN THỨ 23

1. Công tác tổ chức–cán bộ và điều hành quản lý

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức - cán bộ và điều hành quản lý là:

- Tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức, phương thức điều hành quản lý, từng bước thực hiện phân cấp quản lý. Đẩy mạnh cải cách hành chính, triển khai rộng rãi và duy trì hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO. Phát huy dân chủ trong mọi mặt hoạt động, giữ gìn kỷ cương, nề nếp, tuân thủ quy chế, quy định của Trường.
- Hoàn thiện dữ liệu về đội ngũ cán bộ của Trường, nghiên cứu tinh giản đội ngũ cán bộ gián tiếp; tạo môi trường, điều kiện làm việc và cơ chế động viên đội ngũ cán bộ trẻ. Nghiên cứu giải pháp sử dụng đội ngũ cán bộ có học hàm, học vị cao sau khi nghỉ chế độ.

Giai đoạn 2012-2015, các Khoa chuyên ngành đã hoàn thành quá trình chuyển đổi thành các Viện đào tạo với vai trò quản lý và quyền tự chủ được nâng cao, đặc biệt trong quản lý đào tạo, quản lý các hoạt động khoa học công nghệ (KH-CN) và quản lý tài chính. Mô hình Trung tâm, Viện nghiên cứu chuyên ngành và liên ngành cũng được quan tâm xây dựng và phát triển; 4 Viện nghiên cứu mới (Phụ lục 1) đã được thành lập trong giai đoạn này. Các Viện đào tạo đã phối hợp hiệu quả với các Trung tâm và Viện nghiên cứu thực hiện nhiệm vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Sau 3 năm thực hiện, cơ chế phân cấp tự chủ trong Trường đã phát huy nhiều mặt tích cực, song cũng cần tổ chức rút kinh nghiệm, cải tiến nhằm giảm bớt các thủ tục phức tạp và nâng cao hiệu quả quản lý tại các đơn vị. Năm 2015, Trường cũng đã thí điểm giao quyền cho 6 Viện với tư cách là đơn vị KH-CN trực tiếp chủ trì nhiệm vụ KH-CN các cấp, đây cũng là một bước quan trọng để tiến tới phân cấp mạnh mẽ hơn về quản lý KH-CN sau này.

Trong công tác cải cách hành chính, Trường đã triển khai hệ thống quản lý văn bản điện tử trên phần mềm eOffice cho toàn trường, xây dựng hệ thống phòng lưu trữ với đầy đủ trang thiết bị cơ bản để bảo quản tài liệu, hỗ trợ việc giải phóng diện tích lưu trữ cho nhiều đơn vị trong trường, đồng thời đảm bảo tra cứu tài liệu phục vụ các đơn vị trong trường nhanh chóng, hiệu quả. Hệ thống đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn ISO tiếp tục được duy trì, triển khai rộng rãi trong toàn trường và đã được tái chứng nhận cho giai đoạn 2014-2017 vào tháng 8/2014. Tuy nhiên, hệ thống quản lý hành chính của Trường hiện nay còn nặng nề, chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị còn chồng chéo, nhiều quy trình thủ tục theo chuẩn ISO còn rườm rà chưa đi vào thực chất, hệ thống thông tin quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính xứng tầm một trường ĐH công nghệ.

Trong mọi mặt hoạt động, Trường chú trọng phát huy quyền dân chủ, ý kiến đóng góp của cán bộ viên chức, đặc biệt thông qua phát huy vai trò của tổ chức công đoàn các cấp và Ban thanh tra nhân dân. Cung cách làm việc của lãnh đạo và chuyên viên tại một số đơn vị quản lý hành chính, tại các văn phòng khoa, viện được ghi nhận đã có nhiều đổi mới: minh bạch, thân thiện và cởi mở hơn. Trong nhiệm kỳ qua, Nhà trường đã xây dựng và áp dụng quy trình bổ nhiệm cán bộ, phát huy cao độ quyền dân chủ của cán bộ viên chức trong việc giới thiệu và lấy phiếu tín nhiệm các chức danh lãnh đạo chủ chốt các cấp của Trường.

Về công tác phát triển đội ngũ cán bộ, so với năm 2012, tổng số cán bộ của trường giảm nhẹ do chủ trương đặt ra những yêu cầu chặt chẽ hơn trong tuyển mới. Cơ cấu trình độ cán bộ ngày càng được cải thiện (Phụ lục 3), hiện nay tổng số cán bộ của Trường là 1993, số cán bộ có trình độ tiến sĩ là 718 (694 TS là CBGD), trong đó có 21 GS, 189 PGS chưa tính 2 GS và 19 PGS vừa được công nhận năm 2015. Trường đã chủ động áp dụng việc ký hợp đồng sau hưu, hợp đồng thỉnh giảng với các GS, PGS sau khi hết thời gian công tác tại Trường. Sau khi có Nghị định 141 của Chính phủ, Trường cũng đã thực hiện các quy trình, thủ tục kéo dài thời gian công tác đối với các CBGD có trình độ từ tiến sĩ trở lên được các đơn vị đề nghị.

Công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ trẻ tiếp tục được nhà trường quan tâm. Các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm được tổ chức hàng năm cho các cán bộ mới được tuyển dụng. Nhà trường tạo điều kiện cho các cán bộ tham gia các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cao cấp... Hàng năm, Trường thường xuyên cử cán bộ trẻ đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (Phụ lục 3). Với số lượng cán bộ đang làm NCS ở nước ngoài hiện nay là 171 người, chắc chắn trong thời gian tới số lượng cán bộ có trình độ TS sẽ tăng khá. Số lượng cán bộ giảng dạy chỉ có trình độ đại học cũng giảm nhanh, hiện nay tập trung nhiều nhất ở một số đơn vị như Viện Ngoại ngữ (12), Khoa GDQPAN (11), Viện CNTT (7), Khoa GDTC (5).

Nhà trường cũng tiếp tục hoàn thiện các quy định trong công tác quản lý cán bộ như xây dựng và triển khai quy chế quản lý cán bộ đi học tập và công tác tại nước ngoài; quy trình xử lý kỷ luật cán bộ đi nước ngoài quá hạn để quản lý chặt chẽ và công bằng; tính lại phụ cấp thâm niên cho hơn 800 cán bộ trong trường theo Nghị định 54/2011/NĐ-CP nhằm giải quyết dứt điểm việc tính thâm niên gián đoạn cho các cán bộ có thời gian học tập công tác dài hạn ở nước ngoài hoặc chuyển ngành về Trường.

Trường đã triển khai các công tác xếp lương, nâng bậc lương, nâng lương trước thời hạn theo đúng các quy định hiện hành, các tiến sĩ trẻ mới về trường được hưởng 100% lương. Mới đây, Trường cũng đã hoàn thành phương án chuyển mã ngạch giảng viên sang mã chức danh nghề nghiệp theo Luật viên chức và phương án chuyển xếp bậc lương cho PGS và GS theo Thông tư liên tịch số 28/2015 của Bộ GDĐT và Bộ Tài chính, trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt (theo đó PGS được hưởng thang lương theo chức danh Giảng viên cao cấp). Với việc thực hiện Thông tư này, các tiến sĩ trẻ có thêm động lực lớn để phấn đấu nhanh chóng hội đủ điều kiện để đăng ký công nhận tiêu chuẩn chức danh PGS.

Công tác bổ nhiệm cán bộ đã được tiến hành nghiêm túc, đảm bảo nguyên tắc tập trung, dân chủ, tuân thủ các quy định của Chính phủ và của Bộ GDĐT. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở hầu hết các đơn vị được trẻ hóa đáng kể so với nhiệm kỳ trước. Trường cũng đã cơ bản hoàn thành các bước trong quy trình thành lập Hội đồng Trường theo quy định của Điều lệ trường đại học.

Nhìn chung, Trường đã thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức-cán bộ mà Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra, nhưng bên cạnh đó chúng ta cũng thẳng thắn nhìn nhận một số hạn chế. Một số vụ việc liên quan tới công tác cán bộ gây mất ổn định tại một số đơn vị còn chưa được quan tâm xử lý một cách hài hòa đúng mức. Đời sống và điều kiện làm việc của cán bộ còn gặp nhiều khó khăn, một bộ phận không nhỏ cán bộ chưa yên tâm công tác, chưa toàn tâm toàn ý cho công việc của Trường, một số xin chuyển công tác đến cơ quan khác.

2. Công tác đào tạo

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác đào tạo là:

- Tiếp tục triển khai Đề án: “Đổi mới mô hình và chương trình đào tạo giai đoạn 2009-2015”. Xây dựng và triển khai phương án tự chủ tuyển sinh cho các hệ đào tạo của trường. Đẩy mạnh công tác quảng bá đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đầu vào và quy mô đào tạo.
- Đổi mới tổ chức quản lý đào tạo; phương pháp giảng dạy, quản lý chất lượng. Đẩy mạnh công tác xây dựng giáo trình, đầu tư mới và nâng cấp các phòng thí nghiệm. Tiếp tục xây dựng các chương trình đào tạo ĐH, SDH bằng tiếng Anh.

Đánh giá chung, những nhiệm vụ này cơ bản được hoàn thành tốt trong giai đoạn 2012-2015. Đề án “Đổi mới mô hình và chương trình đào tạo giai đoạn 2009-2015” đã được triển khai tích cực trong tất cả các hoạt động đào tạo. Để đánh giá toàn diện hiệu quả của việc thực hiện đề án này cần có thời gian và nhiều biện pháp, tuy nhiên có thể nhận thấy rõ một số kết quả tích cực đáng ghi nhận từ quá trình thực hiện đề án này là:

- Cơ cấu trình độ đào tạo của Trường đã được dịch chuyển mạnh mẽ theo hướng tăng quy mô đào tạo chính quy và đào tạo trình độ cao, bỏ hẳn đào tạo cao đẳng; quy mô đào tạo hệ vừa làm vừa học giảm (xem Phụ lục 4). Tổng quy mô đào tạo các hệ đào tạo giảm từ xấp xỉ 42.000 xuống còn 35.000, nhưng hiệu quả đào tạo đem lại là tích cực. Tổng khối lượng giảng dạy thực tế cho cán bộ giảm nhưng tổng nguồn thu học phí vẫn tăng khá hằng năm.
- Chất lượng tuyển sinh đại học hệ chính quy được giữ vững và cải thiện từng năm (trên tương quan so sánh với các trường đại học top đầu), mặc dù Trường đã chủ động tăng quy mô tuyển sinh đại học chính quy để cân đối lại nguồn thu giảm đi từ đào tạo cao đẳng và vừa học vừa làm. Năm 2015, điểm chuẩn trúng tuyển vào các nhóm ngành của Trường tiếp tục giữ được thứ hạng cao nhất trong khối các trường ĐH kỹ thuật-công nghệ, ngang bằng với các trường ĐH kinh tế top đầu.
- Chương trình đào tạo được tinh giản giúp giảm tải giờ lên lớp của SV và của CBGD, trong khi chất lượng sinh viên đầu ra vẫn được giữ vững. Hai khóa sinh viên đầu tiên được đào tạo theo chương trình đổi mới 2009 đã tốt nghiệp ra trường với chất lượng được đánh giá tốt. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp trước thời hạn và tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có xu hướng tăng.

Trong 4 năm qua, Trường vẫn thực hiện tuyển sinh theo phương thức chung của Bộ GDĐT, nhưng đều áp dụng bổ sung một số biện pháp cải tiến. Kỳ thi tuyển sinh năm 2014 Trường áp dụng phương thức sơ tuyển qua mạng, giúp định hướng và phân loại thí sinh tốt hơn, đồng thời giảm lượng thí sinh ảo, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác tuyển sinh của Trường, được Bộ GDĐT và xã hội đánh giá cao. Năm 2015, thực hiện cải cách trong kỳ thi THPT Quốc gia, Trường ĐHBK Hà Nội với tư cách được Bộ GDĐT giao cho làm cụm trường cụm thi số 1, đã hoàn thành tốt công tác tổ chức coi thi và chấm thi cho tổng cộng 15.402 thí sinh dự thi, không để

xây ra sai sót gì đáng kể. Năm 2015 Trường cũng tiếp tục áp dụng phương thức sơ loại thí sinh, đồng thời thực hiện nhiều cải tiến trong quy trình nhận đăng ký và xử lý xét tuyển trên cơ sở ứng dụng CNTT, nhờ đó mọi quy trình diễn ra trơn tru, không gây bức xúc cho thí sinh và xã hội.

Thành công trong công tác tuyển sinh đại học có được là nhờ chủ trương áp dụng nhiều giải pháp kiên định giữ vững kỷ cương, giữ vững chất lượng đào tạo cùng những đổi mới tích cực có tác động lâu dài trong mô hình và chương trình đào tạo. Bên cạnh đó, một yếu tố quan trọng phải kể đến là sự chủ động tích cực của Trường trong công tác truyền thông, quảng bá tuyển sinh. Từ năm 2011 đến nay, Trường liên tục tổ chức ngày hội tư vấn tuyển sinh Open Day kết hợp với Ngày hội tư vấn tuyển sinh của Báo Tuổi trẻ, thu hút hàng chục nghìn học sinh phổ thông đến trường thăm quan, tìm hiểu. Các chương trình tư vấn tuyển sinh tại các trường THPT và tư vấn trực tuyến đã giúp giải đáp các câu hỏi của các em học sinh về các chương trình đào tạo và các hoạt động hỗ trợ sinh viên, tạo điều kiện để thu hút nhiều học sinh giỏi đăng ký dự tuyển vào trường. Công tác truyền thông, quan hệ với báo chí cũng được đẩy mạnh, góp phần củng cố và nâng cao hình ảnh, thương hiệu của Trường.

Trong công tác tuyển sinh cao học, Trường cũng đã thực hiện một số biện pháp để đơn giản hóa thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh như đăng ký online, gửi hồ sơ qua bưu điện, kéo dài thời gian đăng ký xét tuyển. Quá trình xét duyệt, tổ chức học bổ sung kiến thức, thi tuyển sinh cao học có nhiều đổi mới và đạt hiệu quả đáng khích lệ. Công tác tuyển NCS cũng đã được phân cấp cho các Viện và Bộ môn, trong những năm qua có chuyển biến tích cực về cả số lượng và chất lượng tuyển.

Trong quản lý đào tạo và quản lý chất lượng, Trường đã triển khai một số biện pháp đổi mới như:

- Nâng cấp hệ thống phần mềm quản lý đào tạo, phân cấp quyền sử dụng và tập huấn cho các đơn vị để nâng cao hiệu quả phối hợp quản lý đào tạo và quản lý sinh viên theo mô hình phân cấp. Xây dựng phần mềm và ứng dụng hiệu quả trong công tác lập kế hoạch giảng dạy, lập thời khóa biểu và lập lịch thi.
- Tổ chức mỗi học kỳ thành hai đợt A, B (8 tuần) tùy theo nhu cầu của các Viện đào tạo, áp dụng linh hoạt thời khóa biểu theo 3 hình thức: học kỳ A, B và học kỳ A+B (16 tuần), tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên đăng ký học tập theo tiến độ riêng phù hợp với cá nhân.
- Tổ chức các kỳ thi tiếng Anh TOEIC nội bộ trên máy tính kể từ 4/2015, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho sinh viên dự thi.
- Áp dụng phương thức tính học phí học lại, học ngoài chương trình, học chương trình chất lượng cao, giúp cải thiện nguồn thu học phí hợp pháp cho Trường. Sinh viên, học viên mới nhập trường được cấp thẻ ATM phục vụ quá trình thu học phí được thuận tiện, chính xác.
- Kiểm định 01 chương trình theo tiêu chuẩn Bộ GDĐT: Sư phạm kỹ thuật; Kiểm định 03 chương trình KSCLC bởi ủy ban kiểm định CTI của Pháp: Tin học công nghiệp, Hệ thống thông tin và truyền thông, Cơ khí hàng

không. Đánh giá ngoài 01 chương trình theo chuẩn AUN-QA: Truyền thông và Mạng máy tính. Tự đánh giá 09 chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA: CTTT Cơ Điện Tử, CTTT KH&KT Vật liệu, CTTT Kỹ thuật Y Sinh, Kỹ thuật Điều khiển và tự động hóa, Cử nhân Hữu cơ – Hóa dầu, KT Y sinh, Kỹ sư môi trường, Kỹ sư Kỹ thuật hóa học, Kỹ sư Kỹ thuật điện.

- Siết chặt hơn trong quản lý NCS, tạo điều kiện cho NCS tham gia các hoạt động chuyên môn của Bộ môn. Trường cũng đã tranh thủ tận dụng khai thác tốt chương trình 911 của Bộ GDĐT để hỗ trợ tài chính cho các NCS và các đơn vị quản lý NCS. Chất lượng đào tạo NCS trong những năm qua có những chuyển biến tích cực. Tỷ lệ tốt nghiệp Tiến sĩ năm học 2014-2015 tăng 2,5 lần so với 5 năm trước đây. Số lượng công trình công bố của các NCS là 300 bài/năm, đặc biệt là công bố quốc tế đứng đầu trong các trường ĐH KH-CN của Việt Nam.

Trong điều kiện nguồn thu tài chính còn hạn hẹp, Nhà trường vẫn tiếp tục quan tâm tăng cường các điều kiện và cơ sở vật chất phục vụ đào tạo. Bên cạnh việc đầu tư kinh phí mua giáo trình bổ sung cho Thư viện Tạ Quang Bửu, Trường có quy định hỗ trợ các giảng viên biên soạn mới và biên soạn lại giáo trình. Trường đã phát động đợt thi đua viết giáo trình nhân dịp kỷ niệm 60 năm ngày thành lập trường được nhiều cán bộ hưởng ứng. Hằng năm, Trường chi 2-3 tỉ đồng cho mua sắm, sửa chữa các trang thiết bị phòng học như màn chiếu, máy chiếu nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế; vẫn còn nhiều phản ánh của CBGD về chất lượng đi xuống của trang thiết bị. Trường cũng đã xây dựng định mức kinh phí vật tư, hóa chất, sửa chữa và mua sắm nhỏ thiết bị phục vụ thực hành, thí nghiệm và tiến hành phân cấp cho các Viện. Một số phòng thí nghiệm môn học cơ bản đã được đầu tư nâng cấp. Tuy nhiên, kinh phí sử dụng cho mua sắm thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ đào tạo hằng năm khá thấp (khoảng 10 tỉ/năm), chiếm tỉ lệ chưa đến 5% nguồn thu học phí.

Các chương trình đào tạo đặc biệt, chất lượng cao ở trình độ đại học vẫn tiếp tục được duy trì và phát triển tốt. Các chương trình kỹ sư tài năng và kỹ sư chất lượng cao tiếp tục là những thương hiệu thu hút sinh viên giỏi vào trường. Quy mô tuyển sinh và chất lượng đầu ra của các chương trình CNTT&TT Việt-Nhật, chương trình tiên tiến, chương trình Cử nhân song bằng Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế và các chương trình đào tạo quốc tế khác đều khẳng định mô hình đào tạo hội nhập quốc tế là đúng hướng. Năm 2014, hai chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Anh (chương trình thạc sĩ Công nghệ thông tin và chương trình thạc sĩ Môi trường cảm thụ đa phương tiện và tương tác) đã được xây dựng và tuyển sinh, tuy số lượng tuyển chưa đáp ứng được như mong đợi.

Bên cạnh những thành tích nêu trên, trong công tác đào tạo vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục như:

- Việc tổ chức thực hành, thí nghiệm còn nhiều bất cập, trang thiết bị còn yếu và thiếu. Các phòng thí nghiệm phục vụ đào tạo cần được quy hoạch, tăng cường sửa chữa và đầu tư trang thiết bị, đây là một nhiệm vụ trọng tâm của

nhiệm kỳ 2015-2020 và đã được triển khai khẩn trương ngay từ năm học 2015-2016.

- Công tác lập kế hoạch mở lớp, lập thời khóa biểu còn gặp nhiều khó khăn do sự thiếu thốn phòng học, đặc biệt những giảng đường lớn; quy trình đăng ký học tập của sinh viên cần được cải tiến nhằm giảm áp lực khi đăng ký lớp.
- Công tác phân công giảng dạy tại một số đơn vị còn chưa hợp lý, dẫn tới tình trạng khối lượng giảng dạy của cán bộ còn chưa đồng đều, người vượt giờ quá nhiều, người chưa đủ định mức.
- Số lượng sinh viên chưa đạt chuẩn Tiếng Anh còn khá cao, do đó cần có biện pháp cải tiến chương trình, cải tiến phương pháp giảng dạy ngoại ngữ đồng thời nâng cao ý thức học ngoại ngữ của sinh viên.
- Công tác tổ chức thực tập cuối khóa cho sinh viên chưa được chú trọng đúng mức, phương thức tổ chức triển khai chậm đổi mới, nhiều khi mang tính hình thức, chưa đạt được mục tiêu giúp sinh viên tiếp cận được với những bài toán của thực tiễn công nghiệp.
- Công tác cố vấn học tập chưa phát huy được hiệu quả như mong đợi, khá nhiều sinh viên có kết quả học tập kém do chưa được tư vấn tốt trong việc sắp xếp kế hoạch học tập hợp lý.
- Quy mô tuyển sinh cao học có xu hướng giảm sút, nhiều chuyên ngành kỹ thuật thiếu sức hấp dẫn, thậm chí một số chuyên ngành không đủ số lượng để mở lớp. Bên cạnh các nguyên nhân khách quan thì một số nguyên nhân chủ quan chính là nội dung CTĐT và phương thức tổ chức giảng dạy chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, phương thức tổ chức học bổ sung và thi tuyển sinh chưa phù hợp với nhiều đối tượng thí sinh, công tác quảng bá tuyển sinh cao học chưa được chú trọng đúng mức.

3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là:

- Tổ chức lại các Trung tâm NCKH theo hướng mở, tăng cường tính tự chủ; tiếp tục nghiên cứu thành lập doanh nghiệp gắn với các đơn vị nghiên cứu nhằm tăng cường hiệu quả NCKH đồng thời đẩy mạnh hoạt động CGCN.
- Đẩy mạnh hoạt động ươm tạo công nghệ từ các kết quả nghiên cứu, nhằm tạo ra các sản phẩm KHCN có thể chuyển giao hoặc đưa vào sản xuất kinh doanh trong hệ thống doanh nghiệp Nhà trường. Đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của hệ thống doanh nghiệp Nhà trường, triển khai và đưa vào vận hành chợ công nghệ ảo nhằm thúc đẩy hoạt động NCKH&CGCN.

Trong thời gian qua, cùng với việc phân cấp quản lý đào tạo thì các đơn vị cũng được phân cấp mạnh hơn, được tự chủ nhiều hơn về quản lý hoạt động KHCN, đặc biệt là 6 đơn vị vừa qua được phân cấp quyền chủ trì thực hiện các đề tài NCKH các cấp như một tổ chức KHCN. Mô hình hoạt động tự chủ của các Viện đào tạo,

Viện và Trung tâm nghiên cứu trong giai đoạn vừa qua cho thấy đây là một hướng đi đúng đắn cần được đánh giá và nhân rộng trong thời gian tới.

Nhà trường cùng các đơn vị tiếp tục nỗ lực tìm kiếm, khai thác hiệu quả các nguồn đầu tư từ ngân sách Nhà nước, từ các doanh nghiệp và hợp tác quốc tế; đa dạng hóa các loại hình hoạt động KH-CN, khai thác các loại hình mới được triển khai như ươm tạo công nghệ đã thực hiện khá thành công và được nhiều địa chỉ ứng dụng cũng như đăng ký nhiều bằng sáng chế và giải pháp hữu ích. Trong năm 2015, 13 đơn xin cấp bằng sáng chế và giải pháp hữu ích đã được nộp, trong đó 09 đơn đã được chấp nhận hợp lệ, 02 bằng sáng chế và 01 bằng giải pháp hữu ích được cấp mới. Kinh phí hằng năm cho các đề tài NCKH trong nước giảm so với năm 2012 do xu hướng thắt chặt kinh phí NCKH trong những năm gần đây (Phụ lục 6). Tuy nhiên, kinh phí từ các đề tài NCKH hợp tác quốc tế tăng đáng kể. Các dự án KH-CN phối hợp với doanh nghiệp theo Dự án FIRST đã được xây dựng, trong đó trường có 2 dự án được phê duyệt năm 2015. Nhiều đề tài có khả năng đưa vào sản xuất và chuyển giao công nghệ, đặc biệt nhóm các đề tài phục vụ an ninh quốc phòng nhận được nhiều quan tâm từ các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực an ninh quốc phòng, một số biên bản hợp tác đã được ký kết.

Các kết quả hoạt động KH-CN được tóm tắt trong Phụ lục 7. Số lượng bài báo quốc tế, đặc biệt số công trình đăng trên các tạp chí ISI tăng đều hằng năm. Các cán bộ của trường cũng đạt được nhiều giải thưởng có uy tín về KH-CN, năm 2014 có 1 giải thưởng Quả cầu vàng; năm 2015 có một giải nhất Trí tuệ Việt Nam. Hoạt động NCKH của sinh viên cũng có nhiều thành tích, liên tục nhiều năm đạt các giải tài năng khoa học trẻ Việt Nam. Năm 2014, cả 10 công trình dự thi đều đạt giải: 1 giải nhất, 1 giải nhì, 5 giải ba và 3 giải khuyến khích. Đánh giá theo các chỉ số năng lực nghiên cứu của các tổ chức quốc tế, Trường ĐHBK Hà Nội luôn đứng trong top 3 các cơ sở đào tạo trong nước cùng với 2 ĐHQG.

Hệ thống doanh nghiệp nhà trường hoạt động ổn định, một số doanh nghiệp mới được đề xuất thành lập nhằm mục đích ứng dụng các kết quả NCKH vào thực tế sản xuất, kinh doanh. Chợ công nghệ ảo đã được triển khai và đưa vào vận hành ổn định, là phương tiện để giới thiệu nhiều kết quả NCKH của cán bộ nhà trường tới các doanh nghiệp quan tâm. Trường cũng tham gia hội chợ KH-CN Techmart 2015 do Bộ KH-CN tổ chức và có nhiều đề tài tham gia triển lãm thu hút được sự quan tâm của doanh nghiệp và xã hội, đạt 03 cúp vàng Techmart.

Trong thời gian qua, Trường đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng và uy tín Tạp chí KH-CN các trường đại học kỹ thuật. Số phát hành và số lượng công trình viết bằng tiếng Anh phân theo các nhóm ngành tăng lên hằng năm. Tạp chí đã thực hiện nhiều giải pháp quan trọng trong công tác quản lý, biên tập, xuất bản... Trường cũng đang triển khai dự án nâng cấp Tạp chí theo hướng tiệm cận với các tiêu chí quốc tế.

Mặc dù có nhiều nỗ lực đổi mới, hoạt động NCKH và CGCN của Nhà trường trong giai đoạn vừa qua còn nhiều hạn chế, cụ thể như:

- Các kết quả đạt được trong NCKH và CGCN còn chưa tương xứng với tiềm năng của một trường ĐH kỹ thuật hàng đầu đất nước, đặt biệt trong CGCN và thương mại hóa sản phẩm. Hệ thống doanh nghiệp của Trường chưa phát huy được tốt vai trò hỗ trợ trong CGCN và thương mại hóa sản phẩm; các nhà khoa học chưa có đầy đủ thông tin, chưa thực sự ủng hộ cơ chế CGCN và thương mại hóa sản phẩm thông qua BK-Holdings.
- Chưa có quy định tiêu chí phù hợp để đánh giá năng lực và hiệu quả các hoạt động KHCN của các đơn vị, làm cơ sở cho việc định hướng phát triển và phân cấp cho các đơn vị. Việc quy đổi khối lượng NCKH của cán bộ còn gặp nhiều bất cập, đặc biệt đối với CBGD biên chế tại các Viện và TT nghiên cứu.
- Một số dự án sản xuất thử nghiệm nợ tồn đọng chưa được giải quyết triệt để gây ảnh hưởng lớn đến việc đăng ký đề tài mới của các cán bộ nhà trường. Một số đề tài đăng ký mới năm 2015 không được Bộ KHCN xem xét phê duyệt vì lý do này.
- Tạp chí KHCN chưa kiện toàn được các Ban và Hội đồng theo kế hoạch; quy trình phản biện và biên tập chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của một tạp chí định hướng theo các chuẩn mực quốc tế.
- Quy trình xét duyệt đề tài NCKH cấp trường còn nhiều bất cập, tốn nhiều thời gian, chưa đáp ứng được nhu cầu của cán bộ trẻ. Bên cạnh đó, do số lượng đăng ký nhiều, Hội đồng liên ngành không đủ thời gian xem xét kỹ các đề tài dẫn đến chưa xác định được hết các ý tưởng mới, cần được khuyến khích phát triển.
- Thiếu cơ sở dữ liệu quản lý KHCN, nên công tác quản lý cũng như theo dõi thực hiện còn hạn chế, thông tin ít được cập nhật, làm ảnh hưởng đến tiến độ.

4. Công tác cơ sở vật chất, thiết bị và quản lý đầu tư

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác quản lý, phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và quản lý đầu tư là:

- Tăng cường đầu tư, quản lý và khai thác trang thiết bị, tăng cường trang bị các phương tiện giảng dạy; ban hành các quy định, phương án sử dụng hiệu quả, thuận tiện, tiết kiệm cơ sở vật chất; giám sát việc thực thi quy chế hoạt động của các phòng thí nghiệm tập trung và trọng điểm để khai thác có hiệu quả nguồn vốn đầu tư.
- Tiếp tục kiểm tra giám sát tình hình quản lý và sử dụng đất đai và tài sản công theo đúng quy định của Nhà nước. Dứt điểm thu hồi đất đai, phòng ốc và tài sản đang bị chiếm dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích về cho trường. Hoàn thành việc làm sổ đỏ cho khuôn viên Trường.
- Tăng cường xúc tiến tìm kiếm và khai thác các nguồn vốn đầu tư. Xây dựng và trình phê duyệt quy hoạch 1/500 khuôn viên hiện tại. Quy hoạch lại cơ sở hạ tầng phục vụ đào tạo của Khoa, Viện; Xúc tiến phê duyệt phương án

đầu tư xây dựng triển khai giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng cơ sở II tại Bắc Ninh.

- Duy trì công tác bảo vệ trật tự, an ninh trong Trường theo hướng hợp đồng với công ty bảo vệ. Xây dựng môi trường học tập xanh sạch đẹp. Nâng cao chất lượng kiểm tra, giám sát công tác vệ sinh môi trường.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23, công tác quản lý cơ sở vật chất, thiết bị của trường có nhiều chuyển biến tích cực. Trường tiếp tục thực hiện phân cấp tự chủ về quản lý và sử dụng trang thiết bị cho 17 đơn vị, từ năm 2014 đã phân cấp thêm việc sửa chữa điện, nước. Phòng thiết bị đã tổ chức ghi phiếu thu tiền điện, tiền nước cho các đơn vị trong toàn trường, tăng thu từ những đơn vị sử dụng quá định mức tiêu thụ và từ các hoạt động dịch vụ và sản xuất. Tổng thu từ các đơn vị tăng từ 8,40 tỷ năm 2012 lên 12,36 tỷ năm 2015 (từ 57,2 lên 71,2% so với tổng chi điện nước toàn trường). Đây là biện pháp quản lý có hiệu quả nhằm đẩy mạnh ý thức tiết kiệm, giúp giảm đáng kể chi điện, nước của toàn trường.

Trong thời gian qua, trường đã nâng cấp toàn bộ trang thiết bị giảng đường, hệ thống mạng và phủ WIFI toàn trường, nâng cấp và bổ sung các thiết bị phục vụ nghiên cứu và đào tạo IT trong toàn trường. Hiện nay nhiều phòng học đã treo máy chiếu cố định nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, riêng khu giảng đường D6 dành cho các chương trình đào tạo chất lượng cao đã được lắp toàn bộ điều hòa, đem lại hiệu quả rõ rệt.

Cuối nhiệm kỳ quản lý 2008-2014, văn phòng của hầu hết các đơn vị cấp 2 đã được quy hoạch, sửa chữa khang trang, hiện đại. Hiện nay, các Viện đào tạo đang phối hợp nhà trường tiến hành tổng kiểm tra, quy hoạch lại cơ sở vật chất để lập kế hoạch đầu tư, sửa chữa các phòng thí nghiệm phục vụ sinh viên và phòng làm việc cấp bộ môn.

Năm học 2014-2015, nhà trường đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng khuôn viên ký túc xá tới nay đã dần hoàn thiện, nên cảnh quan KTX đã được khang trang sạch đẹp. Nhà ở của sinh viên cũng dần được sửa chữa, trang bị giường hộp, tủ đựng đồ cho sinh viên. Hiện nay, KTX đủ chỗ cho 4300 sinh viên.

Trường đã có những nỗ lực lớn trong công tác thu hồi đất đai bị chiếm dụng. Hiện nay, thành phố đã có Quyết định thu hồi 478,3m² tại ô đất số 13 bị ông Trịnh Văn Tiến chiếm dụng; giao Trung tâm giao dịch đất đai & Phát triển quỹ đất Hà Nội thực hiện lập phương án hỗ trợ GPMB. Sau khi GPMB xong, bàn giao diện tích đất thu hồi cho Trường ĐHBK Hà Nội quản lý sử dụng. Các công việc tiếp theo đang được triển khai tích cực. Các diện tích của Trường do Đại học Mở địa chất đang sử dụng tại C5 đã có quyết định của Bộ tài chính yêu cầu trả lại cho Trường. Hiện nay, Trường đã được cấp sổ đỏ 12 ô đất/ 18 ô đất đang sở hữu. 6 ô đất chưa được cấp sổ đỏ (ô số 4, 10, 12, 13, 14 và ô nhà B) đều do phải giải quyết việc dân chiếm dụng (ô 4, ô 13 và ô14) và đơn vị khác đang sử dụng (ô 4, ô10, ô 13, nhà B).

Trong giai đoạn 2012-2015, nhiều dự án đầu tư xây dựng cơ bản và dự án nâng cao năng lực KHCN đã được xây dựng và triển khai với tổng số kinh phí được phê duyệt lên tới 586 tỉ (Phụ lục 11). Từ năm 2014 đến nay, vốn đầu tư xây dựng cơ bản

được tập trung cho các dự án: Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp, thoát và xử lý nước thải chất thải; Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà Giảng đường và nghiên cứu phát triển ứng dụng công nghệ D8; Dự án đầu tư xây dựng PTN nghiên cứu thiết kế vi mạch; vốn đối ứng bằng nguồn NSNN cho các dự án ODA (dự án Escanber và dự án HEDSPI); vốn NSNN cho dự án cải tạo hệ thống hạ tầng, sân thể thao ký túc xá sinh viên. Trường cũng tiến hành xây dựng các dự án đầu tư mới: Dự án tăng cường năng lực thiết bị cho các phòng thí nghiệm kỹ thuật hạt nhân phục vụ đào tạo nhân lực năng lượng nguyên tử; Xúc tiến đầu tư nguồn vốn cho các dự án: Cơ sở II Bắc Ninh, Dự án Hóa dược, Dự án Vi cơ điện tử, Dự án cải tạo sửa chữa các khối nhà và các công trình hạ tầng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập Trường. Do những khó khăn khách quan, việc xây dựng qui hoạch 1/500% khuôn viên hiện cũ tại Số 1 Đại Cồ Việt và thực hiện dự án cơ sở II tại Tỉnh Bắc Ninh đang chậm triển khai.

Tháng 11/2015, Công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ cao su Nhà D2A (cạnh TT Polyme) xây dựng từ nguồn vốn đối ứng của dự án Escanber đã được khánh thành. Bên cạnh việc phục vụ nghiên cứu, Trường đã có chủ trương dành tầng 3 để triển khai tổ chức nhà ăn cho cán bộ. Tòa nhà D8 cũng đang được thi công tích cực, dự kiến cuối năm 2017 sẽ được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Trong điều kiện ngân sách cấp của Nhà nước ngày càng khó khăn, nguồn thu của Trường cũng khá hạn hẹp, Trường đã có nhiều nỗ lực trong việc tìm kiếm, khai thác các nguồn vốn cho đầu tư cho xây dựng cơ bản, đồng thời cũng dành một phần kinh phí từ nguồn thu hợp pháp cho sửa chữa phòng học, phòng thí nghiệm, phòng làm việc, tuy nhiên chắc chắn chưa đáp ứng được yêu cầu bức thiết hiện nay của các đơn vị.

Công tác an ninh, bảo vệ của Trường được thực hiện khá tốt trong những năm qua. Phòng Bảo vệ phối hợp tốt với công ty bảo vệ theo hợp đồng trong việc giữ gìn an ninh, trật tự khuôn viên trung tâm, ký túc xá, các khu nhà B1, nhà T, nhà Tại chức..., nhờ vậy tình hình an ninh trật tự trong những năm qua có cải thiện đáng kể. Nhà trường cũng thường xuyên chú trọng chỉnh trang cảnh quan các khu vực hành chính và khu vực giảng đường, thực hiện các dự án cải tạo môi trường, xử lý nước thải, góp phần tạo môi trường xanh, sạch đẹp trong khuôn viên trường.

Tuy vậy, công tác quản lý cơ sở vật chất, duy trì cảnh quan môi trường hiện nay vẫn còn khá nhiều vấn đề bất cập. Một số hoạt động xây dựng, sửa chữa cũng như hoạt động của một số Kios gần giảng đường gây ồn ào, lộn xộn ảnh hưởng tới môi trường giảng dạy và học tập; việc Trường THPT Tạ Quang Bửu sử dụng tạm phòng học trong khu nhà TC gây ra nhiều khó chịu, bức xúc của cán bộ và sinh viên về thái độ không phù hợp của học sinh phổ thông; thời gian đóng mở cửa các khu nhà và nhà vệ sinh chưa hợp lý gây khó khăn cho cán bộ và sinh viên muốn làm việc ngoài giờ hành chính... Những vấn đề này đã được lãnh đạo trường tiếp thu, xem xét và đưa ra biện pháp để giải quyết từng bước.

5. Hoạt động dịch vụ và kinh doanh

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra nhiệm vụ cho các hoạt động dịch vụ và kinh doanh là tăng cường quản lý và khai thác hiệu quả tài sản nhằm tăng nguồn thu; đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của hệ thống doanh nghiệp của Trường.

Trong những năm qua, các hoạt động kinh doanh, dịch vụ được chú trọng nhằm khai thác tối đa tiềm năng của Trường: nhiều khu đất, CSVC được thu hồi, giải phóng mặt bằng để phục vụ các hoạt động dịch vụ; Nhà trường đầu tư dịch vụ KTX và tổ chức đấu thầu lại một số CSVC cho thuê dịch vụ, tu sửa CSVC phục vụ trông giữ xe. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ khai thác cơ sở vật chất do Trung tâm phục vụ Bách khoa quản lý tăng khá trong khoảng thời gian từ 2012 đến nay, mỗi năm Trung tâm phục vụ nộp về Trường trên 10 tỷ đồng, năm 2014 nộp về trên 13 tỷ đồng, góp phần tăng nguồn thu cho trường. Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ đào tạo cũng góp phần gia tăng nguồn thu đáng kể cho Trường. Tổng thu từ tất cả các hoạt động dịch vụ toàn trường năm 2014 đạt con số 95 tỷ (bao gồm cả đào tạo quốc tế), chiếm xấp xỉ 23% tổng kinh phí thu thường xuyên của Trường.

Hệ thống doanh nghiệp thuộc BK-Holdings duy trì được hoạt động kinh doanh ổn định, trong đó Trường CD nghề Bách khoa và Trường THPT Tạ Quang Bửu có xu hướng phát triển tốt. Tổng doanh thu hằng năm của các đơn vị thuộc BK-Holdings nằm trong khoảng 70-100 tỷ, trong đó phần đóng góp về Trường (bao gồm tiền thuê sử dụng cơ sở vật chất và lợi nhuận) vào khoảng 7 tỷ/năm (Phụ lục 14).

Hệ thống các trung tâm phục vụ, dịch vụ phi lợi nhuận khác (Thư viện, TT Y tế, TT Thể thao-Văn hóa, TT Ký túc xá,...) duy trì hoạt động ổn định, phục vụ tốt cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ và sinh viên. Hoạt động của Nhà xuất bản Bách khoa phát triển ổn định, doanh thu tăng đều từ 2012 đến nay. Mỗi năm, Nhà xuất bản xuất bản trên 100 đầu sách giáo trình và sách tham khảo phục vụ cán bộ, sinh viên nhà trường.

6. Truyền thông và đối ngoại

Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra nhiệm vụ trọng tâm cho công tác truyền thông và đối ngoại là tiếp tục phương châm đa thương hóa, đa dạng hóa trong hợp tác quốc tế; đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong NCKH và đào tạo trình độ cao; tăng cường quảng bá hình ảnh của ĐHBK Hà Nội trong cộng đồng đại học, các tổ chức và doanh nghiệp quốc tế; chủ động tìm các nguồn tài trợ, đầu tư tăng cường cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu và đào tạo, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ.

Các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường tiếp tục được mở rộng và phát triển theo chiều sâu trong những năm qua. Hằng năm, cán bộ, sinh viên trường nhận được các học bổng trao đổi thực tập, đào tạo sau đại học với tổng trị giá trên 20 tỷ đồng. Hằng năm nhiều cán bộ của Trường đi công tác, học tập và trao đổi nghiên cứu ở nước ngoài từ nguồn hợp tác quốc tế. Trên 20 hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức tại Trường trong một năm. Năm 2014, Trường phát triển hợp tác với Trường đại học

công nghệ Nagaoka, thành lập Viện khoa học công nghệ quốc tế Việt Nam – Nhật Bản và văn phòng “Công viên Công nghệ Gigaku”. Nhà trường tiếp tục mở rộng các đối tác quốc tế, mỗi năm trường ký kết trên 20 thỏa thuận hợp tác mới. Trường trở thành thành viên Hiệp hội các trường đại học kỹ thuật hàng đầu khu vực Châu Á – Thái Bình Dương AOTULE (Asia-Oceania Top University League on Engineering) từ 1/2015.

Các hoạt động hợp tác quốc tế góp phần tăng cường khai thác các nguồn lực cho nghiên cứu. Trong những năm qua, số lượng các đề tài hợp tác nghiên cứu theo Nghị định thư, đề tài có nguồn kinh phí từ nước ngoài tăng khá (Phụ lục 6). Đây là một hướng đi cần được phát huy, khai thác mạnh hơn trong thời gian tới.

Các hoạt động truyền thông, quảng bá hình ảnh của Trường được chú trọng trong những năm qua, có tác động tốt tới việc nâng cao vị thế, hình ảnh của Trường, giúp thu hút sinh viên giỏi vào trường và thu hút các nguồn lực khác. Các hoạt động truyền thông hỗ trợ tích cực trong công tác tư vấn tuyển sinh, thông cáo báo chí, tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo khoa học, chợ công nghệ... Trường đã hoàn thành thiết kế và đưa vào sử dụng Hệ thống nhận diện thương hiệu Trường, phục vụ in ấn các ấn phẩm văn phòng và Hệ thống quà tặng của trường mang biểu trưng của Trường. Tờ tin của Trường đã được cải tiến về nội dung và hình thức, đáp ứng được yêu cầu thông tin, giới thiệu các hoạt động của Trường tới người đọc trong và ngoài trường. Trường đã hoàn thành tài liệu giới thiệu năng lực nghiên cứu khoa học của Trường bản tiếng Việt. Từ năm 2014, trường phát hành lịch năm mới và bưu thiếp chúc mừng năm mang nhiều hình ảnh đặc trưng của ĐHBK Hà Nội.

Trong những năm qua, nhiều hoạt động hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài nước đã được triển khai và mang lại hiệu quả thiết thực cho công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường. Các chương trình hợp tác đào tạo kỹ sư với các công ty Samsung Electronics, NissanTechno Vietnam, đào tạo thạc sĩ với FICO Xi măng Tây Ninh, hợp tác nghiên cứu với Samsung Electronics,.. là một số ví dụ thành công tiêu biểu cần được phát huy và nhân rộng. Trong năm 2015, Trường cũng tích cực xúc tiến ký kết các văn bản hợp tác với hàng loạt các tập đoàn, tổng công ty lớn trong nước với một số hợp đồng cụ thể, tạo tiền đề cho việc hợp tác hiệu quả trong những năm tới.

Để phát huy và khai thác hiệu quả tiềm năng rất lớn từ hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế, công tác truyền thông và đối ngoại trong thời gian tới cần được chú trọng hơn, chuyên nghiệp hơn. Đặc biệt, chúng ta cần xây dựng, củng cố và khai thác tốt tiềm năng từ mạng lưới cựu sinh viên (đã ra mắt ngày 15/10/2015 nhân dịp kỷ niệm 59 năm thành lập Trường).

7. Công tác kế hoạch – tài chính

Kế hoạch-tài chính là một mảng công tác quan trọng trong Trường, liên quan thiết yếu tới tất cả các lĩnh vực hoạt động. Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đưa ra nghị quyết, nhấn mạnh việc xây dựng quy định quản lý thu, chi tài chính và quy chế chi tiêu nội bộ tại tất cả các đơn vị Khoa, Viện, Trung tâm; tiếp tục triển khai dứt điểm

quyết toán tài chính còn tồn đọng từ các năm trước; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống thất thoát tài chính trong mọi lĩnh vực hoạt động của Trường.

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị lần thứ 23, Trường đã có nhiều hoạt động tích cực trong quản lý tài chính theo hướng minh bạch hóa và đảm bảo đúng các quy định của pháp luật:

- Toàn bộ học phí được thu qua tài khoản ngân hàng và quản lý tập trung tại Phòng KH-TV. Các đơn vị liên quan (Phòng ĐTĐH, Viện SĐH, Viện ĐTLT, Viện ĐTQT, Phòng CTCT&CTSV) phối hợp trong công tác tính toán và báo cáo quyết toán học phí, đảm bảo hệ thống quản lý học phí minh bạch, chống thất thoát.

- Các nguồn thu và khoản chi NS Nhà nước và thu sự nghiệp của Trường được quản lý tập trung theo đúng quy định của Pháp luật, nhưng có phân cấp một số nội dung cho các đơn vị, đảm bảo minh bạch và hiệu quả. Phòng KH-TV đã hướng dẫn các Viện xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lập dự toán chi tiết theo hạn mức kinh phí đã được Nhà trường giao cho các đơn vị; phối hợp chặt chẽ với các phòng liên quan triển khai tốt chủ trương phân cấp quản lý tài chính của Nhà trường; đưa vào sử dụng có hiệu quả phần mềm quản lý tài chính; triển khai hệ thống thông báo thuế thu nhập qua email.

- Công tác thực hiện quyết toán các dự án hoàn thành có nhiều tiến triển: Đã cơ bản hoàn thành công tác lập báo cáo quyết toán của các dự án còn tồn đọng từ nhiều năm trước. Số dự án được phê duyệt đến thời điểm này là 38/66 dự án công trình hoàn thành, khoảng 60% số dự án công trình phải quyết toán. Số dự án công trình đã lập xong báo cáo quyết toán gửi Bộ, đang được thẩm tra chờ trình phê duyệt là 22 dự án công trình. Số dự án công trình còn lại chưa đủ điều kiện nộp báo cáo quyết toán gửi Bộ là 6 dự án công trình.

- Từ nhiều nỗ lực trong chính sách học phí, tăng cường hoạt động dịch vụ và kinh doanh, tổng nguồn thu của trường tăng đều hằng năm từ 2012 đến nay, chi lương và giờ giảng chiếm trên 60% ngân sách chi thường xuyên (Phụ lục 9). Thu nhập trung bình (chưa kể thu nhập từ nghiên cứu khoa học) của cán bộ nhà trường tăng từ 117 triệu đồng/người năm 2012 lên 142 triệu đồng/người năm 2014. Tổng các quỹ của nhà trường tăng, trong đó phần lớn dành cho quỹ ổn định thu nhập và phúc lợi.

8. Đời sống vật chất, tinh thần của CBVC và sinh viên

Việc quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBVC và sinh viên là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng của lãnh đạo các cấp trong Trường. Nghị quyết hội nghị CBVC lần thứ 23 đã nhấn mạnh: Chú trọng công tác chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho CBVC và sinh viên, tổ chức tốt các phong trào thi đua, nâng cao hiệu quả công tác, động viên CBVC và sinh viên tích cực tham gia phong trào VHMT, sinh hoạt tập thể, góp phần tạo môi trường làm việc, giảng dạy, NCKH, học tập lành mạnh.

Thực hiện nghị quyết Hội nghị, Ban giám hiệu phối hợp cùng BCH Công đoàn đã xây dựng một số giải pháp và triển khai nhiều hoạt động nhằm từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBVC cũng như cho sinh viên. Giải pháp đầu tiên

chính là tăng nguồn thu từ các hoạt động đào tạo trên cơ sở đảm bảo tổng quy mô đào tạo, mở rộng đào tạo sau đại học và đào tạo các chương trình chất lượng cao, xây dựng cơ chế tính học phí hợp lý. Giải pháp tăng nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ và kinh doanh, quản lý chặt chẽ việc sử dụng cơ sở vật chất, điện nước, tiết kiệm chi tiêu cũng được áp dụng như đã báo cáo trên đây. Trong điều kiện nguồn thu hạn hẹp, việc phân bổ kinh phí một cách hợp lý, ưu tiên cho việc tăng thu nhập của cán bộ cũng được chú trọng. Quy chế chi tiêu nội bộ hằng năm của Trường được điều chỉnh, các chỉ số tính lương tăng thêm cũng như tiền phúc lợi cho cán bộ được điều chỉnh tăng hợp lý, phù hợp với tình hình ngân sách của Trường; tuy nhiên riêng mức kinh phí chi vượt giờ không tăng trong 3 năm học từ 2012-2013 đến 2014-2015 (đến năm học 2015-2016 sẽ được tăng 20%). Đặc biệt, tổ chức công đoàn các cấp đã phát huy vai trò trong việc bảo vệ và chăm lo quyền lợi cho cán bộ, viên chức thông qua nhiều hoạt động có ý nghĩa như tổ chức nghỉ hè, du xuân, các hoạt động thể thao, văn hóa.

Hệ thống sân vận động, nhà thi đấu của Trường được đầu tư nâng cấp hiện đại, phục vụ tốt các hoạt động thể thao của cán bộ và sinh viên. Hằng năm, BCH Công đoàn Trường phối hợp với Hội thể thao và Đoàn thanh niên tổ chức các giải thi đấu, tạo sân chơi bổ ích cho cán bộ và sinh viên. Trung tâm Thể thao-Văn hóa ổn định cơ cấu tổ chức với 13 câu lạc bộ, đảm bảo thực hiện nhiệm vụ đào tạo, phong trào thể thao cho Nhà trường, tham gia hỗ trợ tích cực tổ chức các giải thi đấu các cấp cho SV và cung cấp dịch vụ thể thao. Bên cạnh vai trò phục vụ cho cán bộ và sinh viên, doanh thu từ các dịch vụ văn hóa thể thao ổn định khoảng 3 tỷ đồng mỗi năm từ 2012, mang lại cho trường khoảng 2 tỷ đồng mỗi năm. Sân bóng đá cỏ nhân tạo được đầu tư từ nguồn vốn tự có của Trường, sau 3 năm đã cơ bản hoàn vốn. Năm 2015, từ nguồn vốn dự án đầu tư của Nhà nước, Trường hoàn thành thêm một sân bóng đá cỏ nhân tạo trong khu ký túc xá, tạo thêm điều kiện thuận lợi và môi trường sinh hoạt lành mạnh cho sinh viên.

Trung tâm Y tế của Trường được đầu tư trang thiết bị và nhân lực, bên cạnh việc làm tốt công tác khám chữa bệnh thường xuyên của cán bộ và sinh viên, hằng năm còn phối hợp với đơn vị bên ngoài tổ chức khám toàn diện cho cán bộ, sinh viên nhập học và sinh viên cuối khóa, chủ yếu lấy từ nguồn kinh phí bảo hiểm y tế.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song nhìn chung đời sống vật chất và điều kiện làm việc của cán bộ, viên chức còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển hiện nay, chưa động viên được cán bộ toàn tâm toàn ý với công việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học.

Tổng kết lại, trong bốn năm qua chúng ta đã cơ bản hoàn thành các nhiệm vụ mà Nghị quyết Hội nghị CBVC lần thứ 23 đã đề ra. Lãnh đạo Trường cũng đã nhận ra những mặt hạn chế như đã đề cập trong các nội dung trên đây, trên cơ sở đó đề ra phương hướng công tác cho thời gian tới.

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 24

Thực hiện Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, kể từ năm 2016, hội nghị CBVC Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

sẽ được tổ chức mỗi năm một lần. Hội nghị CBVC tiếp theo dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối năm 2016. Phần này đưa ra phương hướng hoạt động cho nhiệm kỳ 24, thực hiện trong năm 2016.

1. Công tác tổ chức – cán bộ và điều hành-quản lý

- Xây dựng lại Quy chế tổ chức hoạt động chung của toàn trường, rà soát chức năng nhiệm vụ và Quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị; hoàn thiện quy chế tổ chức và hoạt động Hội đồng trường.
- Tổng kết đánh giá quá trình thí điểm tự chủ, xây dựng đề án với lộ trình phù hợp để trình cấp trên phê duyệt.
- Hoàn thiện đề án quy hoạch vị trí việc làm; tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng quy chế làm việc của giảng viên theo thông tư 47/TT-BGDĐT; cải tiến quy trình tuyển dụng nhằm thu hút các cán bộ giỏi về trường.
- Cải tiến các quy trình quản lý theo tiêu chuẩn ISO theo hướng đơn giản hóa, khoa học và đi vào thực chất; xây dựng đề án tăng cường ứng dụng CNTT trong quản lý mọi mặt hoạt động của Nhà trường; xây dựng môi trường và văn hóa làm việc chuyên nghiệp, thân thiện.
- Tăng cường minh bạch trong công tác điều hành quản lý, phát huy dân chủ của các cấp lãnh đạo và của đội ngũ cán bộ, viên chức, phát huy trí tuệ tập thể và sự đồng thuận trong quá trình điều hành-quản lý.
- Thành lập mới Phòng Thanh tra-Pháp chế để thực hiện việc tư vấn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, quy chế, quy định của Nhà trường; giải quyết các đơn thư của cán bộ và công dân.

2. Công tác đào tạo và công tác sinh viên

- Thực hiện các biện pháp đồng bộ; quảng bá, tuyên truyền, nâng cao chất lượng dạy-học nhằm thu hút sinh viên giỏi, nâng cao chất lượng tuyển sinh. Xây dựng đề án xét tuyển thạc sĩ trình Bộ GDĐT phê duyệt; xây dựng mô hình đào tạo tích hợp Cử nhân-Thạc sĩ và Kỹ sư-Thạc sĩ nhằm nâng cao quy mô và chất lượng tuyển sinh cao học, đồng thời thu hút sinh viên các năm cuối tham gia các hoạt động NCKH.
- Chú trọng đến các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo: đầu tư tập trung theo chiều sâu cho tăng cường cơ sở vật chất và điều kiện học tập; chấn chỉnh kỷ cương học đường; đổi mới phương pháp dạy, học và đánh giá kết quả học tập; chú trọng công tác thí nghiệm/thực hành; cải tiến quy trình đăng ký học tập. Tổ chức đánh giá toàn diện phương thức đào tạo theo tín chỉ và kết quả thực hiện Đề án đổi mới mô hình và chương trình đào tạo giai đoạn 2009-2015; xây dựng kế hoạch đổi mới đồng bộ các CTĐT.
- Tổng kết 5 năm thực hiện đào tạo các chương trình đào tạo chất lượng cao, trên cơ sở đó mở rộng các chương trình đào tạo chất lượng cao. Đẩy mạnh HTQT về đào tạo, đề xuất các phương án đào tạo ĐH & SDH phối hợp với nước ngoài.

- Đẩy mạnh công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, thu thập ý kiến phản hồi của sinh viên, của các doanh nghiệp tuyển dụng sinh viên. Áp dụng các chuẩn của khu vực và quốc tế trong đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo.
- Xây dựng và đẩy mạnh triển khai đề án e-learning và hệ thống phần mềm hỗ trợ dạy và học, tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ thông tin trong dạy và học nhằm nâng cao hiệu quả đào tạo; tiết kiệm sử dụng phòng học và thời gian lên lớp của cán bộ cũng như sinh viên.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ hỗ trợ sinh viên, miễn giảm học phí theo hướng đơn giản hóa, minh bạch. Tích cực tìm kiếm các nguồn tài trợ học bổng cho sinh viên từ doanh nghiệp và các tổ chức. Tăng cường các hoạt động ngoại khóa, rèn luyện kỹ năng làm việc cho sinh viên.
- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác cố vấn học tập và công tác giáo viên chủ nhiệm; Triển khai mạnh mẽ kênh tư vấn trực tuyến nhằm nâng cao khả năng tiếp cận và hiệu quả của công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên.

3. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

- Xây dựng quỹ KHCN của Trường với kinh phí từ nguồn thu hợp pháp của Trường và huy động các nguồn tài trợ từ doanh nghiệp, cựu sinh viên... Đổi mới phương thức xét chọn và cấp kinh phí và quản lý thực hiện các đề tài cấp; ưu tiên cán bộ trẻ và cán bộ đang hướng dẫn NCS và ThSKH - đặc biệt các tiến sĩ trẻ mới về trường.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu KHCN, từng bước tin học hóa công tác quản lý các hoạt động KHCN.
- Xây dựng quy định đánh giá hiệu quả của các hoạt động KHCN (của đơn vị/cá nhân), trên cơ sở đó xây dựng các định hướng phát triển và ưu tiên đầu tư cho các đơn vị. Xây dựng quy định phù hợp để tính khối lượng nghiên cứu khoa học, đặc biệt đối với CBGD biên chế tại các trung tâm và viện nghiên cứu.
- Tích cực tìm kiếm, khai thác các nguồn lực từ NSNN, doanh nghiệp và HTQT. Đặc biệt chú trọng khai thác tiềm năng từ mạng lưới cựu sinh viên để xúc tiến hợp tác nghiên cứu và chuyển giao công nghệ.
- Đổi mới phương thức tổ chức các hoạt động NCKH của sinh viên thông qua cơ chế câu lạc bộ nhằm đưa hoạt động NCKH của sinh viên đi vào thực chất và có tính kế thừa. Xây dựng, triển khai quy chế hỗ trợ các câu lạc bộ nghiên cứu và đổi mới sáng tạo của sinh viên.
- Xây dựng mới quy chế tổ chức và hoạt động, kiện toàn tổ chức Tạp chí KHCN, cải tiến quy trình phản biện và biên tập, áp dụng triệt để công nghệ thông tin. Xây dựng cơ chế khuyến khích đăng bài tiếng Anh, tìm các giải pháp tăng số series tiếng Anh; cải tiến quá trình biên tập nhằm tăng chất lượng các bài đăng tiếng Anh.

- Tổ chức đánh giá cơ chế hỗ trợ chuyển giao công nghệ và thương mại hóa sản phẩm thông qua BK-Holdings, trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu nhằm đẩy mạnh và khai thác tiềm năng chuyển giao công nghệ của các nhà khoa học và các đơn vị.

4. Công tác cơ sở vật chất, thiết bị và quản lý đầu tư

- Gấp rút xúc tiến và triển khai dự án nâng cấp, sửa chữa chỉnh trang các khu nhà làm việc, phòng học và khuôn viên trung tâm hướng tới Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường.
- Tìm kiếm khai thác kinh phí từ ngân sách Nhà nước hoặc trên cơ sở hợp tác với doanh nghiệp để xây dựng các dự án mới; ưu tiên cho đầu tư vào hệ thống giảng đường chung toàn trường và phòng thí nghiệm, xưởng thực hành tại các khoa, viện; trước mắt tập trung đầu tư nâng cấp các PTN cơ sở và cốt lõi ngành phục vụ SV.
- Tiếp tục áp dụng các giải pháp tiết kiệm điện nước, phân cấp mạnh hơn cho các đơn vị để tránh lãng phí.
- Quy hoạch lại diện tích các phòng làm việc tại các đơn vị, lập kế hoạch đầu tư phù hợp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho cán bộ. Rà soát diện tích sử dụng của tất cả các đơn vị, thu hồi diện tích sử dụng chưa hiệu quả. Triển khai phương án tổ chức nhà ăn phục vụ cán bộ trên tòa nhà D2A (Trung tâm cao su).
- Kiên trì thực hiện thu hồi các khu đất bị lấn chiếm; tiếp tục làm sổ đỏ cho các khu đất của Trường. Nghiên cứu các phương án đầu tư xây dựng theo phương thức PPP để tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài. Nghiên cứu phương án đầu tư một khuôn viên riêng cho Trường THPT Tạ Quang Bửu.
- Tiếp tục nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư xây dựng khuôn viên 2.
- Xây dựng quy định quản lý các hoạt động sử dụng cơ sở vật chất và bảo đảm môi trường sư phạm, nâng cao ý thức của cán bộ và sinh viên trong việc giữ gìn cơ sở vật chất, vệ sinh môi trường.
- Tiếp tục thực hiện công tác bảo vệ và vệ sinh theo hướng kết hợp giữa các phòng chức năng của Trường với các công ty theo hợp đồng. Điều chỉnh phương án mở cửa các khu nhà và nhà vệ sinh nhằm tạo điều kiện tối đa cho cán bộ và sinh viên làm việc, học tập ngoài giờ hành chính đồng thời đảm bảo an ninh cho các khu vực.

5. Hoạt động dịch vụ và kinh doanh

- Tiếp tục rà soát, chấn chỉnh và mở rộng các hoạt động dịch vụ khai thác cơ sở vật chất của Trường nhằm gia tăng nguồn thu đồng thời đảm bảo các yêu cầu của môi trường sư phạm. Đặc biệt chú trọng việc thường xuyên chấn chỉnh thái độ phục vụ của các cán bộ trông xe, cải tiến phương thức quản lý trông xe đạp, xe máy.

- Rà soát và đánh giá tổng thể các hoạt động của các Trung tâm dịch vụ, phục vụ. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng cơ chế hạch toán phù hợp để nâng cao hiệu quả các hoạt động dịch vụ có lợi nhuận và dịch vụ phi lợi nhuận. Đẩy mạnh hợp tác với các đối tác có năng lực nhằm triển khai các dịch vụ chất lượng cao phục vụ cán bộ và sinh viên.
- Đánh giá tổng thể hoạt động của BK Holdings, trên cơ sở đó đề ra phương hướng hoạt động và các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng nguồn thu cho Trường; điều chỉnh các chính sách nhằm thu hút vốn đầu tư. Nghiên cứu xây dựng cơ chế để hỗ trợ các đơn vị triển khai các hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, urom tạo công nghệ, khởi nghiệp và sản xuất kinh doanh.

6. Truyền thông và đối ngoại

- Xây dựng và triển khai tốt kế hoạch chiến dịch truyền thông cho 60 năm thành lập trường. Thiết kế và thực hiện các ấn phẩm và tặng phẩm (báo cáo năm, brochure, video clips, huy hiệu...).
- Xây dựng lại hệ thống trang Web của Trường (tiếng Việt và tiếng Anh), cấu trúc lại thành cổng thông tin phù hợp cho các đối tượng sử dụng khác nhau. Vận hành hệ thống mạng xã hội nhằm đưa và nhận thông tin hai chiều, góp phần quảng bá hình ảnh của Trường, đồng thời tiếp thu những phản hồi từ phía người học và xã hội.
- Tiếp tục tích cực hỗ trợ các hoạt động tư vấn tuyển sinh, truyền thông và tổ chức các sự kiện quảng bá hình ảnh của Trường nhằm thu hút các học sinh giỏi vào Trường.
- Tăng cường các hoạt động tiếp xúc cựu sinh viên, hoàn thành CSDL mạng lưới cựu SV, phát triển sâu rộng mạng lưới cựu sinh viên; tranh thủ sự ủng hộ của cựu sinh viên để hợp tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực, hợp tác nghiên cứu và khai thác tài trợ.
- Tăng cường các hoạt động hợp tác quốc tế theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả hỗ trợ các đơn vị xây dựng các hợp tác đào tạo, hợp tác nghiên cứu, tìm kiếm học bổng cho sinh viên và cán bộ, nâng cao vị thế và hình ảnh của Trường trong khu vực và trên thế giới. Tích cực hỗ trợ tìm kiếm các nguồn tài trợ quốc tế cho hoạt động KHCN, các nguồn kinh phí tài trợ cho dự án đầu tư.

7. Công tác kế hoạch – tài chính

- Triển khai hàng năm việc xây dựng kế hoạch thu chi tài chính cho tất cả các lĩnh vực hoạt động, làm cơ sở cho xây dựng kế hoạch ngân sách toàn trường. Cùng cố công tác xây dựng kế hoạch, báo cáo tài chính, lưu trữ hồ sơ, chứng từ liên quan tới các hoạt động tài chính của Trường. Chuẩn hóa và đơn giản hóa các quy trình thanh quyết toán.

- Nghiên cứu điều chỉnh phương án phân cấp kinh phí cho các đơn vị nhằm nâng cao quyền tự chủ cho các đơn vị đồng thời đảm bảo kinh phí được sử dụng hiệu quả và đúng mục đích. rà soát và điều chỉnh quy chế chi tiêu nội bộ của Trường và của tất cả các đơn vị nhằm minh bạch hóa mọi khoản chi phù hợp theo quy định của pháp luật; tạo sự thống nhất tương đối giữa các đơn vị trong trường.
- Nghiên cứu xây dựng phương án cải tiến phương thức tính toán và chi trả lương tăng thêm và kinh phí vượt giờ theo hướng đơn giản hóa, dựa trên khối lượng công việc và vị trí việc làm.
- Hạch toán kinh phí cho các loại chương trình đào tạo, làm cơ sở quy hoạch phát triển các chương trình đào tạo đặc biệt, đào tạo chất lượng cao, nâng cao hiệu quả các chương trình đào tạo.
- Đẩy mạnh công tác vận động tài trợ giúp tăng nguồn thu hợp pháp cho Trường, xây dựng quy định về vận động tài trợ, chính sách thu hút và quản lý sử dụng các quỹ tài trợ.
- Nghiên cứu đề xuất với Chính phủ cơ chế đặc thù về tự chủ tài chính, tự chủ học phí.

8. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của CBVC và sinh viên

- Tiếp tục triển khai các giải pháp trong nâng cao hiệu quả đào tạo, tăng cường các hoạt động KHCN, dịch vụ và kinh doanh, vận động tài trợ giúp tăng nguồn thu cho Trường, qua đó tăng thu nhập cho cán bộ. Xây dựng phương án phân bổ ngân sách hợp lý cho tăng thu nhập của cán bộ.
- Tập trung đầu tư sửa chữa và cải tạo phòng làm việc cho cán bộ tại các bộ môn. Đẩy nhanh việc triển khai nhà ăn cán bộ trên tòa nhà D2A và sửa chữa nhà ăn sinh viên A1/5.
- Quản lý sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất của Trung tâm Thể thao-Văn hóa, đầu tư nâng cấp một số hạng mục Trung tâm Thể thao-Văn hóa để phục vụ hoạt động đào tạo sinh viên, đồng thời phục vụ các hoạt động thể thao của cán bộ. Tiếp tục phát huy vai trò của tổ chức công đoàn, đoàn thanh niên trong tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao thường niên cho CBVC và sinh viên.
- Nâng cấp Trung tâm Y tế thành Trạm y tế đa khoa, tiếp tục phát huy vai trò trong công tác chăm sóc sức khỏe cho CBVC và sinh viên.

9. Các hoạt động khác để tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Trường

Thành lập Văn phòng 60 năm và các Tiểu ban, khẩn trương triển khai các công việc cụ thể: Hội nghị khoa học và Triển lãm thành tựu KHCN; Đào tạo và giáo trình 60 năm; Thi đua, khen thưởng; Truyền thông, báo chí, Cựu sinh viên và quan hệ doanh nghiệp, quan hệ quốc tế; Cơ sở vật chất – cảnh quan môi trường; Phương án triển khai các hoạt động văn hoá, thể thao, an ninh, trật tự.

III. KẾT LUẬN

Trong 4 năm qua, trong bối cảnh nền kinh tế của đất nước có nhiều biến động, Trường ĐHBK Hà Nội của chúng ta cũng đã gặp không ít khó khăn và thách thức, nhất là khi có sự chuyển giao thế hệ trong đội ngũ lãnh đạo các cấp của Trường. Nhưng với sức mạnh trí tuệ và tinh thần đoàn kết vốn là giá trị truyền thống và bản sắc văn hóa của ĐHBK Hà Nội, tập thể CBVC và sinh viên đã cùng nhau nỗ lực vượt qua mọi khó khăn, đạt được nhiều thành tích đáng khích lệ trên nhiều mặt hoạt động, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo của Nhà trường.

Trong thời gian tiếp theo mặc dù còn rất nhiều việc phải làm, tập thể lãnh đạo Trường cùng toàn thể CBVC và sinh viên hoàn toàn tin tưởng rằng nhất định sẽ biến những khó khăn thành động lực cho phát triển, chuyên hóa những thách thức thành cơ hội để đi lên, kiên định quá trình đổi mới, phấn đấu đạt được nhiều thành tích hơn nữa để Trường ĐHBK Hà Nội của chúng ta tiếp tục khẳng định vị thế là trường đại học kỹ thuật hàng đầu của đất nước, xứng đáng với kỳ vọng của các thế hệ CBVC, sinh viên và của toàn xã hội.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. Hoàng Minh Sơn

Phụ lục 1: CÁC VIỆN NGHIÊN CỨU MỚI THÀNH LẬP TỪ NĂM 2012

STT	Tên Viện	Năm thành lập
1	Kỹ thuật Điều khiển & Tự động hóa	2012
2	Nghiên cứu quốc tế về khoa học và KT tính toán	2013
3	Nghiên cứu công nghệ không gian và dưới nước	2014
4	Khoa học công nghệ quốc tế Việt Nam – Nhật Bản	2014

Phụ lục 2: TÌNH HÌNH ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VIÊN CHỨC

Năm	Tổng số CB	CBGD	PVGD	HCSN	CBNC
2012	2106	1296	264	530	16
2013	2097	1286	255	546	10
2014	2025	1241	244	533	7
2015	1993	1221	236	529	7

Phụ lục 3: PHÂN BỐ TRÌNH ĐỘ, CHỨC DANH CÁN BỘ GIẢNG DẠY

Năm thống kê \ Trình độ/ Chức danh	TS	ThS	ĐH	GS	PGS	Cán bộ đang được đào tạo			
						Nước ngoài		Trong nước	
						NCS	CH	NCS	CH
2012	630	564	103	19	157	202	27	30	25
2013	630	558	98	21	169	196	18	23	9
2014	671	527	61	19	163	212	26	6	8
2015	694	472	54	21	189	171	41	20	8

Phụ lục 4: QUY MÔ ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN MỚI

Năm học	Quy mô	Tổng	NCS	CH	ĐHCQ	ĐHVHVL	ĐTQT	CD
2012-2013	Tổng số	41.717	564	4.004	22.106	9.549	3.430	2.064
	Tuyển mới	10.100	91	2.028	5.115	1.159	1.137	570
2013-2014	Tổng số	36.549	492	4.187	23.801	5.661	1.007	1.401
	Tuyển mới	9.023	87	1.507	5.608	1.521	300	0
2014-2015	Tổng số	37.060	524	3.679	26.040	4.857	1.276	684
	Tuyển mới	9.608	149	1.508	5.740	1.919	292	0
2015-2016	Tổng số	35.326	538	3.008	25.730	4.500	1.400	150
	Tuyển mới	9.600	116	1.403	5.901	1.800	380	0

Phụ lục 5: THỐNG KÊ KHỐI LƯỢNG GIẢNG DẠY

1. Năm học 2012 - 2013

STT	Đơn vị	Giờ ĐM	Giờ QĐ	
			ĐH	SDH
1	Viện Toán - Tin ứng dụng	12,598.0	46,554.0	2,304.0
2	Viện Kinh tế & Quản lý	16,266.0	16,993.0	36,792.0
3	Viện Điện tử Viễn thông	21,948.0	53,535.7	14,614.0
4	Viện Ngoại ngữ	22,276.0	53,977.6	0.0
5	Khoa Giáo dục thể chất	4,944.0	14,520.0	
6	Khoa Mác Lênin	4,348.0	12,459.0	0.0
7	Viện KT hoá học	34,416.0	41,689.1	14,640.0
8	Viện CN sinh học thực phẩm	14,194.0	11,845.4	6,866.0
9	Viện KH & CN Môi trường	9,146.0	4,900.1	7,246.0
10	Viện Vật lý kỹ thuật	14,652.0	27,702.2	3,076.0
11	Viện Điện	29,316.0	66,671.4	16,770.0
12	Khoa Giáo dục Quốc phòng	4,648.0	12,913.0	0.0
13	Viện Cơ khí	37,290.0	76,381.0	13,660.0
14	TT thực hành cơ khí			
15	Viện Cơ khí động lực	13,818.0	13,170.9	10,846.0
16	Viện KH & CN Nhiệt lạnh	9,886.0	7,445.0	2,824.0
17	Viện Dệt may, Da giày & thời trang	7,810.0	3,732.0	2,812.0
18	Viện CN thông tin & TT	18,924.0	64,427.3	10,748.0
19	Viện KH & KT vật liệu	11,690.0	10,843.7	3,476.0
20	Viện Sư phạm kỹ thuật	2,432.0	1,095.0	3,030.0
21	Viện Tiên tiến KH & CN			
22	Viện ITIMS	5,044.0	2,674.0	
	TỔNG CỘNG	295,646.0	543,529.4	149,704.0

2. Năm học 2013– 2014

TT	ĐƠN VỊ	SL CB	Giờ ĐM	G-ĐH	G-SDH	Tổng
1	Viện Cơ khí	148	36,383	75,947	13,245	89,192
2	Viện Cơ khí Động lực	66	13,166	15,603	8,718	24,321
3	Viện KH & CN Nhiệt lạnh	40	8,216	6,384	2,193	8,578
4	Viện Điện	116	28,266	58,004	11,272	69,276
5	Viện Điện tử - Viễn thông	95	21,777	43,559	27,552	71,111
6	Viện CNTT&TT	90	20,266	66,444	12,300	78,743
7	Viện Toán UD & Tin học	52	11,123	45,721	2,435	48,155
8	Viện Kỹ thuật Hóa học	142	35,727	36,702	8,684	45,386
9	Viện CNSH & CNTP	58	9,050	12,305	7,645	19,950
10	Viện KH&CN Môi trường	35	9,103	4,712	7,185	11,897
11	Viện KH&KT Vật liệu	53				0
12	Viện Dệt may-DG & TT	31				0
13	Viện Sư phạm Kỹ thuật	11	2,802	1,037	1,560	2,597
14	Viện Vật lý kỹ thuật	68	13,817	26,580	1,696	28,276
15	Viện KT hạt nhân & VLMT	14				0
16	Viện KT&QL	73	23,760	17,890	35,178	53,068
17	Viện Ngoại ngữ	84	21,856	51,230		51,230
	Tổng cộng	1,176	255,312	462,117	139,662	601,779

3. Dự toán năm học 2014-2015

TT	ĐƠN VỊ	SL CB	Giờ ĐM	G-ĐH	G-SDH	Tổng
1	Viện Cơ khí	148	39,376.0	84,788	13,232	98,020
2	Viện Cơ khí Động lực	66	15,889.6	16,516	9,476	25,992
3	Viện KH & CN Nhiệt lạnh	40	10,610.0	6,940	2,878	9,818
4	Viện Điện	116	31,654.0	60,842	16,891	77,732
5	Viện Điện tử - Viễn thông	95	25,120.0	50,112	14,130	64,242
6	Viện CNTT&TT	90	25,044.0	70,847	13,289	84,135
7	Viện Toán UD & Tin học	52	12,162.0	39,716	3,644	43,360
8	Viện Kỹ thuật Hóa học	142	35,512.0	42,006	16,896	58,902
9	Viện CNSH & CNTP	58	15,848.0	15,863	10,196	26,059
10	Viện KH&CN Môi trường	35	8,048.0	7,754	8,171	15,924
11	Viện KH&KT Vật liệu	53	14,866.0	8,915	3,576	12,491
12	Viện Dệt may-DG & TT	31	8,180.0	5,631	6,930	12,561
13	Viện Sư phạm Kỹ thuật	11	2,796.0	1,032	4,860	5,892
14	Viện Vật lý kỹ thuật	68	16,430.0	25,413	2,798	28,210
15	Viện KT hạt nhân & VLMT	14	2,391.2	2,300	986	3,286
16	Viện KT&QL	73	19,998.0	17,941	50,101	68,042
17	Viện Ngoại ngữ	84	22,432.0	52,844	0	52,844
	Tổng cộng	1,176	306,357	464,885	178,052	687,510

Phụ lục 6: SỐ LƯỢNG VÀ KINH PHÍ CÁC ĐỀ TÀI NCKH

Đơn vị tính: triệu đồng

Đề tài NCKH	Năm 2012		Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí	Số ĐT	Kinh phí
Cấp Nhà nước	103	72.455	105	43.909	74	32.690	39	25.124
Cấp Bộ, Tỉnh	37	13300	51	11940	58	11.274	78	20.449
Cấp Cơ sở	310	4300	72	1790	192	5.225	125	3.955
Khác	10	24.565	34	7.233	15	5.506	12	4.500
HTQT	8	4.580	14	11.780	16	10.080	22	13.670
Tổng cộng	468	119.200	276	76.652	355	64.775	276	67.698

Phụ lục 7: SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH CÔNG BỐ

	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
Tạp chí trong nước	377	538	490	500
Tạp chí quốc tế	174	187	230	240
Trong đó: Tạp chí quốc tế (ISI)	84	130	137	160
Hội thảo quốc tế	478	217	210	250
Hội thảo trong nước		285	270	180
Sáng chế + Giải pháp hữu ích	-	2	4	3
Số sách, giáo trình được xuất bản	-	164	111	191

Phụ lục 8: NGÂN SÁCH CỦA NHÀ TRƯỜNG

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	2012	2013	2014
1	Học phí, lệ phí, thu khác	323.152	358.458	412.755
	- Thu từ hoạt động sự nghiệp	-	268.490	316.904
	- Thu từ hoạt động dịch vụ	-	89.968	95.850
2	Ngân sách chi thường xuyên	129.219	122.108	124.630
3	Ngân sách chi không thường xuyên (CTMT, đối ứng DA, NCKH, BVMT)	80.512	76.192	54.253
	Tổng	532.883	556.759	591.638

Phụ lục 9A: CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NHÀ TRƯỜNG (Chi tiết)

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Nội dung	2012	2013	2014
1	Tổng chi thường xuyên	358,000	411,859	434,636
1.1	Lương, phụ cấp lương theo ngạch bậc	109,227	126,617	132,740
1.2	Lương trường + bù lương	37,558	42,869	45,801
1.3	Phụ cấp thâm niên	13,206	12,344	10,200
1.4	Phụ cấp vượt giờ + giờ giảng	61,238	63,664	63,627
1.5	BHXH, BHYT, BHTN	21,688	23,655	25,216
1.6	Điện, nước, nhiên liệu, thông tin liên lạc	5,569	4,442	5,418
1.7	Sách, báo, tạp chí	1,054	0,403	0,501
1.8	Sửa chữa thường xuyên	16,104	13,162	10,831
1.9	Mua sắm thiết bị	10,520	10,768	9,768
1.10	Chi hội nghị, hội thảo, đoàn ra, đoàn vào	2,831	2,849	2,264
1.11	Chi khác	79,005	111,086	128,270
2	Trích lập quỹ	49,447	87,213	100,785
3	Phúc lợi, khen thưởng (từ quỹ và chi thường xuyên)	25,279	23,345	25,294

Phụ lục 9B: CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NHÀ TRƯỜNG (rút gọn)

TT	Nội dung	2012	2013	2014
1	Tổng chi cho thu nhập cán bộ (tỷ đồng)	246,508	268,839	277,662
2	Tổng chi cho CSVC (tỷ đồng)	33,247	28,775	26,518
3	Trích lập các quỹ (tỷ đồng)	49,447	87,213	100,785
4	Thu nhập trung bình của cán bộ, chưa kể thu nhập từ KHCN (triệu đồng/người)	117	128	142
5	Chi phúc lợi theo QCCTNB (triệu đồng/người)	9,5		11

Phụ lục 10: THU, CHI TIỀN ĐIỆN, NƯỚC, ĐIỆN THOẠI, INTERNET 2012-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

Năm	Điện			Nước			Điện thoại			Internet
	Tổng chi	Tổng thu	Tỷ lệ thu (%)	Tổng chi	Tổng thu	Tỷ lệ thu (%)	Tổng chi	Tổng thu	Tỷ lệ thu (%)	
2012	13,321	7.576	5,9	1.369	828	60,5	511	321	62,8	1,148
2013	11,380	7.612	66,9	1.237	719	58,1	416	147	35,5	957
2014	14,472	10.113	69,9	1.951	1.239	63,5	436	139	32,0	1,049
2015	14,837	10.638	71,7	2.518	1.726	68,6	445	156	35,2	1,720
Tổng	54,011	35.940	66,3	7.076	4.514	62,7	1.810	765	41,4	4.875

Phụ lục 11: CÁC DỰ ÁN TRIỂN KHAI TRONG GIAI ĐOẠN 2012-2015

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Dự án	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư được duyệt
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp thoát nước và xử lý nước thải, chất thải	2011-2016	52.310
2	Dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà giảng đường và nghiên cứu chuyên giao công nghệ D8	2013-2017	174.056
3	Dự án đầu tư xây dựng PTN Nano-Quang điện tử	2009-2014	89.898
4	Dự án đầu tư xây dựng PTN nghiên cứu thiết kế vi mạch.	2012-2016	76.159
5	Dự án tăng cường năng lực tính toán hiệu năng cao tại Việt Nam (siêu máy tính)	2013-2014	4.475
6	Dự án tạo lập hệ thống vòng khí thải Carbon với cao su thiên nhiên	2011-2016	19.950
7	Dự án cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật, sân thể thao khu ký túc xá sinh viên	2014-2015	4.500
8	Công trình Trung tâm Khoa học và Công nghệ cao su	2014-2015	14.960
9	Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và chuyên giao công nghệ tái chế chất thải ở Việt Nam	2014-2015	3.200
10	Dự án Phát triển năng lượng tái tạo do ngân hàng thế giới tài trợ	2014-2016	7.000
11	Dự án HEDSPI	2002-2016	140.000

Phụ lục 12: HOẠT ĐỘNG HỢP TÁC QUỐC TẾ

TT		Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
1	Học bổng tại chỗ/trao đổi/thực tập	-	56	36	82
2	Học bổng Thạc sỹ	12	17	18	18
3	Học bổng NCS	14	13	14	2
4	Số khách nước ngoài đến trường (người)	1.150	1.180	1.230	1.035
5	Các văn bản hợp tác trường ký với đối tác nước ngoài	29	21	22	24
6	Các mạng lưới quốc tế trường tham gia	6	6	7	7
7	Các sự kiện quốc tế quan trọng trường tổ chức	4	6	3	6

Phụ lục 13: THỐNG KÊ HỌC BỔNG TÀI TRỢ CHO SINH VIÊN

	NH 2011-2012	NH 2012-2013	NH 2013-2014	NH 2014-2015
Số học bổng	491	429	374	475
Tổng trị giá học bổng (triệu đồng)	2.658	2.396	2.167	4.206
Số nhà tài trợ	38	34	33	54

Phụ lục 14: HIỆU QUẢ SXKD CỦA BK-HOLDINGS

Đơn vị tính: tỷ đồng

	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Doanh số hợp nhất của BKH	88	104	70.13
Cổ tức	3.4	3.22	1.95
Kinh phí sử dụng CSVC	3.5	4.75	5.04
Tổng kinh phí trả về trường	6.9	7.97	6.99